# BÀI 1: SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC

# *(40 câu)*

## **A. TRẮC NGHIỆM**

### 1. NHẬN BIẾT (20 câu)

**Câu 1:** Căn cứ để phân chia các quốc gia trên thế giới thành hai nhóm nước (phát triển và đang phát triển) là?

A. Đặc điểm tự nhiên và trình độ phát triển kinh tế.

B. Đặc điểm tự nhiên và dân cư, xã hội.

C. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

D. Đặc điểm tự nhiên và trình độ phát triển xã hội .

**Câu 2:** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhóm nước phát triển với đang phát triển là.

A. Thành phần chủng tộc và tôn giáo.

B. Quy mô dân số và cơ cấu dân số.

C. Trình độ khoa học – kỹ thuật.

D. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 3:** Ý nào sau đây không phải là biểu hiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước phát triển?

A. Đầu tư ra nước ngoài nhiều.

B. Dân số đông và tăng nhanh.

C. GDP bình quân đầu người cao.

D. Chỉ số phát triển con người ở mức cao.

**Câu 4:** Biểu hiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển không bao gồm

A. Nợ nước ngoài nhiều.

B. GDP bình quân đầu người thấp.

C. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao.

D. Chỉ số phát triển con người ở mức thấp.

**Câu 5:** Điểm khác biệt trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nhóm nước phát triển so với nhóm nước đang phát triển là

A. Tỉ trọng khu vực III rất cao.

B. Tỉ trọng khu vực II rất thấp.

C. Tỉ trọng khi vực I còn cao.

D. Cân đối về tỉ trọng giữa các khu vực.

**Câu 6:** Điểm khác biệt trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nhóm nước đang phát triển so với nhóm nước phát triển là

A. Khu vực I có tỉ trọng rất thấp.

B. Khu vực III có tỉ trọng rất cao.

C. Khu vực I có tỉ trọng còn cao.

D. Khu vực II có tỉ trọng rất cao.

**Câu 7:** Nguyên nhân cơ bản tạo nên sự khác biệt về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển là.

A. Trình độ phát triển kinh tế.

B. Sự phong phú về tài nguyên.

C. Sự đa dạng về thành phần chủng tộc.

D. Sự phong phú về nguồn lao động.

**Câu 8:** Các nước phát triển có đặc điểm là

A. GDP bình quân đầu người cao.

B. đầu tư ra nước ngoài nhiều.

C. chỉ số HDI ở mức cao.

D. Tất cả các ý kiến trên.

**Câu 9:** Đặc điểm của các nước đang phát triển là

A. GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI ở mức cao, nợ nước ngoài nhiều.

B. GDP bình quân đầu người cao, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

C. GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

D. năng suất lao động xã hội cao, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

**Câu 10:** Các nước đang phát triển **không** có đặc nào sau đây?

A. GDP bình quân đầu người thấp hơn mức bình quân thế giới.

B. HDI thấp hơn mức bình quân thế giới.

C. Tuổi thọ cao hơn mức bình quân thế giới.

D. Tỉ trọng giá trị kinh tế khu vực nông – lâm – ngư nghiệp lớn.

**Câu 11:** Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước phát triển có đặc điểm là

A. Khu vực II rất cao, Khu vực I và III thấp.

B. Khu vực I rất thấp, Khu vực II và III cao.

C. Khu vực I và III cao, Khu vực II thấp.

D. Khu vực I rất thấp, Khu vực III rất cao.

**Câu 12:** Nhận xét đúng nhất về một số đặc điểm kinh tế - xã hội của các nước phát triển là

A. Giá trị đầu tư ra nước ngoài lớn, tuổi thọ trung bình thấp, chỉ số HDI ở mức cao.

B. Giá trị đầu tư ra nước ngoài lớn, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức cao.

C. Giá trị đầu tư ra nước ngoài nhỏ, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức cao.

D. Giá trị đầu tư ra nước ngoài lớn, tuổi thọ trung bình cao, chỉ số HDI ở mức thấp.

**Câu 13.** Nhận xét đúng nhất về một số đặc điểm kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển là

A. Nợ nước ngoài nhiều, tuổi thọ trung bình thấp, Chỉ số HDI ở mức thấp.

B. Nợ nước ngoài nhiều, tuổi thọ trung bình cao, Chỉ số HDI ở mức thấp.

C. Nợ nước ngoài nhiều, tuổi thọ trung bình thấp, Chỉ số HDI ở mức cao.

D. Nợ nước ngoài nhiều, tuổi thọ trung bình cao, Chỉ số HDI ở mức cao.

**Câu 14:** Ý nào sau đây không phải là đặc điểm chung của nhóm các nước kinh tế phát triển?

A. Đầu tư nước ngoài lớn.

B. Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng lớn.

C. Chỉ số phát triển con người (HDI) cao.

D. Thu nhập bình quân đầu người không cao.

**Câu 15:** Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia Hlà yếu tế để phân chia ra các

A. Nhóm nước Xã hội chủ nghĩa và nhóm nước Tư bản chủ nghĩa

B. Nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển.

C. Nhóm nước có dân số tăng nhanh và nhóm nước có dân số táng chậm.

D. Nhóm nước đang phát triển, nhóm nước công nghiệp mới.

**Câu 16:** Ở nhóm nước phát triển, người dân có tuổi thọ trung bình cao, nguyên nhân chủ yếu là do:

A. Môi trường sống thích hợp.

B. Chất lượng cuộc sống cao.

C. Nguồn gốc gen di truyền.

D. Làm việc và nghỉ ngơi hợp lí.

**Câu 17:** Châu lục có thuổi thọ trung bình của người dân thấp nhất thế giới là.

A. Châu Âu.

B. Châu Á.

C. Châu Mĩ.

D. Châu Phi.

**Câu 18:** Số người cao tuổi hiện nay trên thế giới tập trung nhiều ở?

A. Nam Á.

B. Bắc Á.

C. Tây Á.

D. Tây Âu.

**Câu 19:** Đâu là mặt hạn chế của các nước phát triển?

A. Cơ cấu dân số già dẫn đến thiếu hụt nguồn lao động.

B. Cơ sở hạ tầng khá hiện đại và đồng bộ.

C. Tuổi thọ trung bình cao.

D. Người dân có chất lượng cuộc sống tốt.

Câu 20: Cơ cấu dân số của của nước đang phát triển có đặc điểm như thế nào?

A. Cơ cấu dân số trẻ và có xu hướng ổn định.

B. Cơ cấu dân số trẻ và có xu hướng già hóa.

C. Cơ cấu dân số già và có xu hướng ổn định.

D. Cơ cấu dân số già và có xu hướng trẻ hóa.

### 2. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

**Câu 1:** Các nước đang phát triển có chiến lược kinh tế như thế nào?

A. Nhập khẩu khoáng sản, sản phẩm thô mới qua sơ chế.

B. Xuất khẩu chủ yếu là hàng đã qua sơ chế.

C. Xuất khẩu khoáng sản, sản phẩm thô mới qua sơ chế .

D. Xuất khẩu vốn công nghệ cao.

**Câu 2:** Nền kinh tế tri thức được dựa trên.

A. Tri thức và kinh nghiệm cổ truyền.

B. Kĩ thuật và kinh nghiệm cổ truyền.

C. Công cụ lao động cổ truyền.

D. Tri thức, kĩ thuật và công nghệ cao.

**Câu 3:** Trong tổng giá trị xuất, nhập khẩu của thế giới, nhóm các nước phát triển chiếm

A. 50%

B. 55%

C. gần 60%

D. hơn 60%

**Câu 4:** Nền kinh tế tri thức có một số đặc điểm nổi bật là

A. Trong cơ cấu kinh tế, dịch vụ là chủ yếu; trong cơ cấu lao động, công nhân tri thức là chủ yếu; tầm quan trọng của giáo dục là rất lớn.

B. Trong cơ cấu kinh tế, công nghiệp là chủ yếu; trong cơ cấu lao động, công nhân tri thức là chủ yếu; tầm quan trọng của giáo dục là rất lớn.

C. Trong cơ cấu kinh tế, dịch vụ là chủ yếu; trong cơ cấu lao động, công nhân tri thức là chủ yếu; giáo dục có tầm quan trọng lớn.

D. Trong cơ cấu kinh tế, dịch vụ là chủ yếu; trong cơ cấu lao động, công nhân là chủ yếu; giáo dục có tầm quan trọng lớn.

**Câu 5.** Nền kinh tế công nghiệp có một số đặc điểm nổi bật là

A. Trong cơ cấu kinh tế, dịch vụ là chủ yếu; trong cơ cấu lao động, công nhân là chủ yếu; giáo dục có tầm quan trọng lớn trong nền kinh tế.

B. Trong cơ cấu kinh tế, công nghiệp và dịch vụ là chủ yếu; trong cơ cấu lao động, công nhân là chủ yếu; giáo dục có tầm quan trọng lớn trong nền kinh tế.

C. Trong cơ cấu kinh tế, công nghiệp và nông nghiệp là chủ yếu; trong cơ cấu lao động, công nhân là chủ yếu; giáo dục có tầm quan trọng lớn trong nền kinh tế.

D. Trong cơ cấu kinh tế, dịch vụ là chủ yếu; trong cơ cấu lao động, công nhân là chủ yếu, giáo dục có tầm quan trọng rất lớn trong nền kinh tế.

**Câu 6:** Đối với nền kinh tế tri thức, tầm quan trọng của giáo dục và vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông lần lượt là

A. Lớn và quyết định

B. Rất lớn và quyết định

C. Rất lớn và lớn

D. Lớn và rất lớn

**Câu 7:** “Trải qua quá trình công nghiệp hóa và đạt trình độ phát triển nhất định về công nghiệp” là đặc điểm nổi bật của nhóm nước?

A. Công nghiệp mới.

B. Kinh tế đang phát triển.

C. Kinh tế phát triển.

D. Chậm phát triển.

**Câu 8:** Dấu hiệu đặc trưng của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại là?

A. Sản xuất công nghiệp được chuyên môn hóa.

B. Khoa học được ứng dụng vào sản xuất.

C. Xuất hiện và bùng nổ công nghệ.

D. Quy trình sản xuất được tự động hóa.

**Câu 9:** Các nước phát triển tập trung chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

A. Bắc Mĩ, Tây Âu, Ô-xtrây-li-a.

B. Nam Mĩ, Tây Âu, Ô-xtrây –li-a.

C. Bắc Mĩ, Đông Nam Á, Tây Âu.

D. Bắc Mĩ, Đông Á, Ô–xtrây-li-a.

**Câu 10:** Sự phân bố của nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển trên thế giới một cách khái quát là?

A. Các nước phát triển nằm ở Bắc bán cầu – các nước đang phát triển năm ở Nam bán cầu.

B. Các nước phát triển nằm ở Nam bán cầu - các nước đang phát triển năm ở Bắc bán cầu.

C. Các nước phát triển nằm ở Đông bán cầu - các nước đang phát triển năm ở Tây bán cầu.

D. Các nước phát triển nằm ở Tây bán cầu - các nước đang phát triển năm ở Đông bán cầu.

### 3. VẬN DỤNG (7 CÂU)

**Quan sát bảng số liệu và trả lời câu hỏi từ 1 – 3:**

Cho bảng số liệu:

*GDP bình quân đầu người của một số nước trên thế giới năm*

*(Đơn vị: USD)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các nước phát triển | | Các nước đang phát triển | |
| Tên nước | GDP / người | Tên nước | GDP / người |
| Thụy Điển | 60381 | Cô-lôm-bi -a | 7831 |
| Hoa Kì | 53042 | In-đô-nê-xi-a | 3475 |
| Niu Di – lân | 41824 | ấn độ | 1498 |
| Anh | 41781 | Ê-ti-ô-pi-a | 505 |

**Câu 1:** Nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Các nước phát triển có GDP/người đều trên 60 nghin USD.

B. GDP/ người chênh lệch lớn giữa các nước phát triển và đanh phát triển.

C. Các nước đang phát triển không có sự chênh lệch nhiều vế GDP/ người.

D. Không có sự chênh lêch nhiều về GDP/ người giữa các nhóm nước.

**Câu 2:** Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện GDP/ người của các nước Thụy Điển, Hoa Kì, Ấn Độ, Ê-ti-ô-pi-a là.

A. Biểu đồ cột.

B. Biểu đồ đường.

C. Biểu đồ tròn.

D. Biểu đồ miền.

**Câu 3:** Nhận xét nào sau đây là đúng?

A. GDP/ người của Hoa Kì gấp 119,6 lần của Ê-ti-ô-pi-a.

B. GDP/ người của Thụy Điển gấp 119,6 lần của Ê-ti-ô-pi-a.

C. GDP/ người của Thụy Điển gấp 169,1 lần của Ê-ti-ô-pi-a

D. GDP/ người của Hoa Kì gấp 9,6 lần của Ấn Độ.

**Quan sát bảng số liệu và trả lời câu hỏi từ 4 – 6:**

Cho bảng số liệu:

*GDP bình quân đầu người của một số nước trên thế giới năm*

*(Đơn vị: USD)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các nước phát triển | | Các nước đang phát triển | |
| Tên nước | GDP / người | Tên nước | GDP / người |
| Thụy Điển | 60381 | Cô-lôm-bi -a | 7831 |
| Hoa Kì | 53042 | In-đô-nê-xi-a | 3475 |
| Niu Di – lân | 41824 | ấn độ | 1498 |
| Anh | 41781 | Ê-ti-ô-pi-a | 505 |

*Dựa vào bảng số liệu, trả lời các câu hỏi từ 7 đến 9:*

**Câu 4:** Nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Các nước phát triển có GDP/người đều trên 60 nghin USD.

B. GDP/ người chênh lệch lớn giữa các nước phát triển và đanh phát triển.

C. Các nước đang phát triển không có sự chênh lệch nhiều vế GDP/ người.

D. Không có sự chênh lêch nhiều về GDP/ người giữa các nhóm nước.

**Câu 5:** Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện GDP/ người của các nước Thụy Điển, Hoa Kì, Ấn Độ, Ê-ti-ô-pi-a là.

A. Biểu đồ cột.

B. Biểu đồ đường.

C. Biểu đồ tròn.

D. Biểu đồ miền.

**Câu 6:** Nận xét nào sau đây là đúng?

A. GDP/ người của Hoa Kì gấp 119,6 lần của Ê-ti-ô-pi-a.

B. GDP/ người của Thụy Điển gấp 119,6 lần của Ê-ti-ô-pi-a.

C. GDP/ người của Thụy Điển gấp 169,1 lần của Ê-ti-ô-pi-a

D. GDP/ người của Hoa Kì gấp 9,6 lần của Ấn Độ.

**Câu 7:** Cho bảng số liệu:

*Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a*

*năm 2013*

*( Đơn vị: % )*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Nước* | *Khu vực I* | *Khu vực II* | *Khu vực III* |
| *Thụy Điển* | *1,4* | *25,9* | *72,7* |
| *Ê-ti-ô-pi-a* | *45,0* | *11,9* | *43,1* |

Nhận xét nào sau đây không đúng?

A. Khu vực III của Thụy Điển có tỉ trọng cao.

B. Khu vực I của Thụy Điển có tỉ trọng rất thấp.

C. Cơ cấu GDP của Thụy Điển và Ê-ti-ô-pi-a có sự chênh lệch.

D. Cơ cấu GDP của Thụy Điển đặc trưng cho nhóm nước đang phát triển.

### 4. VẬN DỤNG CAO (3 CÂU)

**Câu 1:** Nhận định nào sau đây không đúng về tác động của cuộc cánh mạng khoa học công nghệ hiện đại đến sự thay đổi cơ cấu lao động?

A. Giảm số lao động chân tay.

B. Tăng số lao động tri thức.

C. Giảm tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ.

D. Giảm tỉ lệ lao động nông nghiệp và công nghiệp.

**Câu 2:** Tuổi thọ trung bình của thế giới năm 2005 là?

A. 65 tuổi.

B. 67 tuổi.

C. 76 tuổi.

D. 77 tuổi.

**Câu 3:** Trong thời đại ngày nay, khoa học và công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp vì?

A. Khoa học và công nghệ tạo nên các phát minh sáng chế.

B. Khoa học và công nghệ đã trực tiếp tạo ra các sản phẩm.

C. Khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão.

D. Phát triển khoa học và công nghệ là xu hướng chung của các nước.

## **B. ĐÁP ÁN**

### 1. NHẬN BIẾT (20 CÂU)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. C** | **2. C** | **3. B** | **4. C** | **5. A** | **6. C** | **7. A** | **8. D** | **9. C** | **10. C** |
| **11. D** | **12. B** | **13. A** | **14. D** | **15. B** | **16. B** | **17. D** | **18. D** | **19. A** | **20. B** |

### 2. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. C** | **2. D** | **3. D** | **4. A** | **5. B** | **6. B** | **7. A** | **8. C** | **9. A** | **10. B** |

### 3. VẬN DỤNG (7 CÂU)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. B** | **2. A** | **3. B** | **4. B** | **5. A** | **6. B** | **7.D** |

### 4. VẬN DỤNG CAO (3 CÂU)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. C** | **2. B** | **3. B** |